

MÔ HÌNH Z-SCORE (ALTMAN)

Mô hình hệ số Z-Score của Altman (1968) được tính toán dựa trên 5 biến, là kết hợp trọng số của các chỉ tiêu tài chính để đánh giá rủi ro phá sản của doanh nghiệp.

Ngày	16,600 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-9.1%	-2.7%	1.8%

Hệ số nguy cơ phá sản	0.76
Z - score (sản xuất)	(B3)
2024	Nguy hiểm

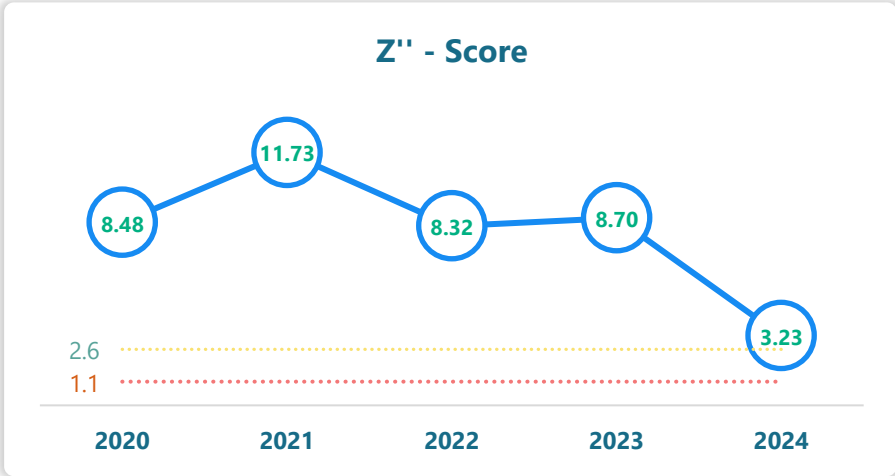
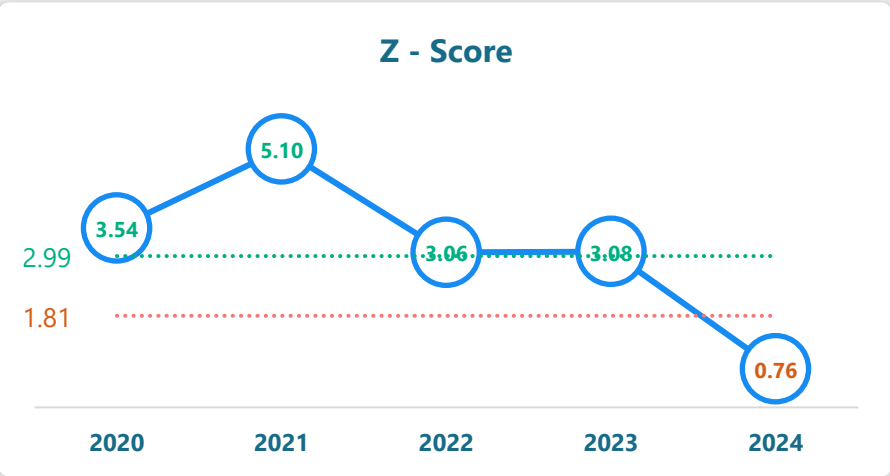
Hệ số nguy cơ phá sản	3.23
Z'' - score (phi sản xuất)	(A3)
2024	An toàn

DT thuần	2024	YoY
	29.0	▲ 15.5
tỷ VNĐ		▲ 114%

LN sau thuế	2024	YoY
	3.82	▲ 0.52
tỷ VNĐ		▲ 15.7%

ROE	2024	+/- YoY
	0.9%	▲ 0.1%

ROA	2024	+/- YoY
	0.3%	▼ 0.3%



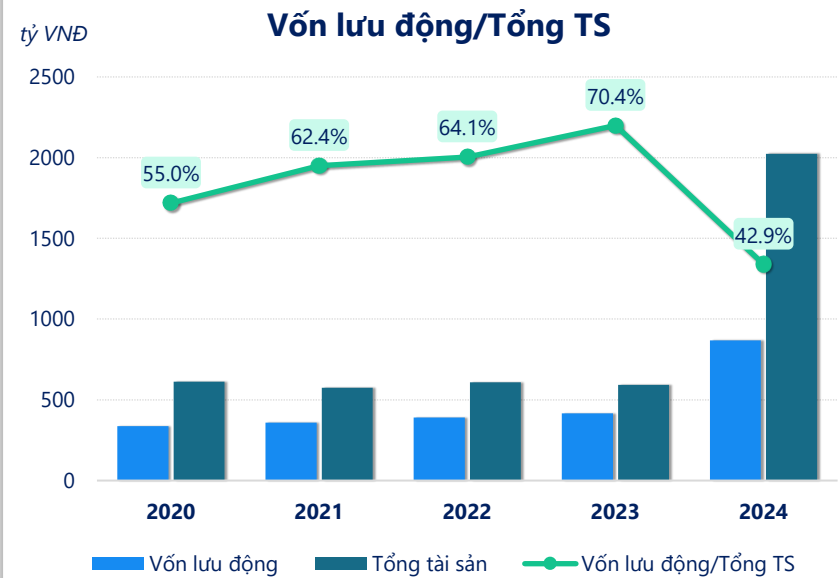
Xét với doanh nghiệp sản xuất: Với **Z-Score** là **0.76 < 1.81**, cho thấy **HLD** nằm trong vùng nguy hiểm, có nguy cơ phá sản cao và không ổn định về tình hình tài chính.

Xét với doanh nghiệp phi sản xuất: **Z''-Score** của **HLD** năm **2024** đạt **3.23**, thấp hơn so với năm 2023 (8.70). **Z''-Score** **> 2.6**, cho thấy Doanh nghiệp nằm trong vùng an toàn, chưa có nguy cơ phá sản.

Kết quả kinh doanh **HLD** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 114%** đạt **28.96** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 15.7%** đạt **3.82** tỷ đồng.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **0.90%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

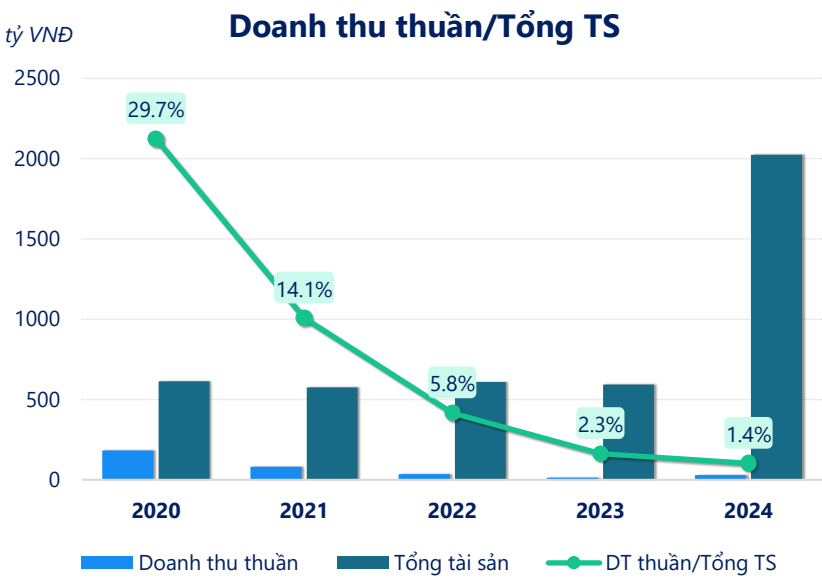
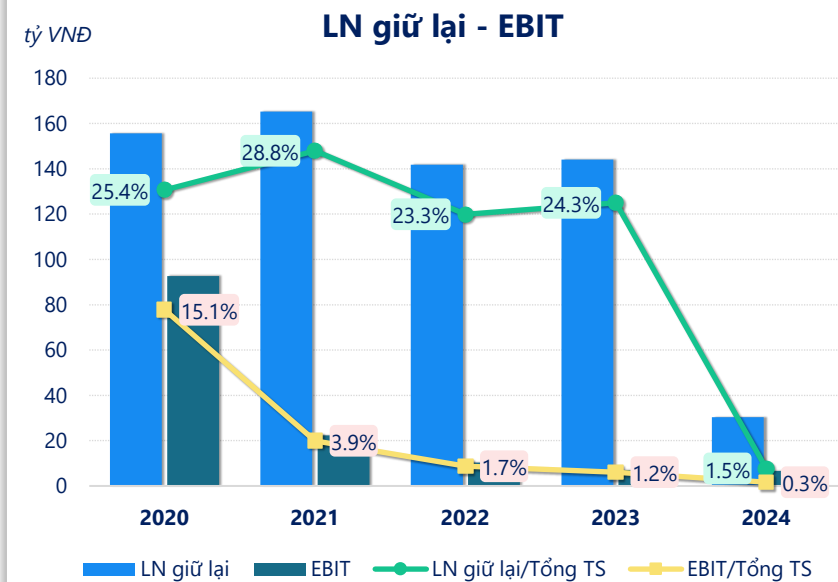
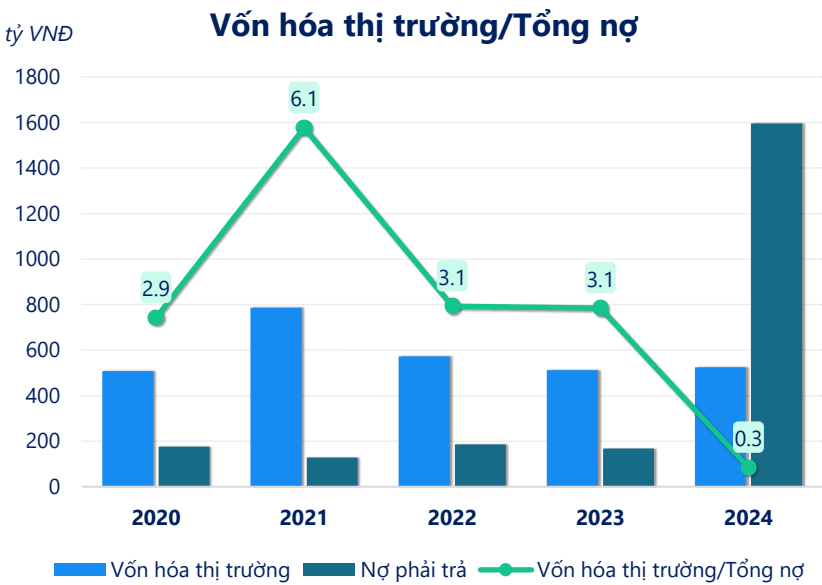
CTCP Đầu tư và Phát triển Bất động sản HUDLAND (HNX: HLD)



Vốn lưu động > 0 và **tăng** so với năm trước cho thấy công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn khá tốt. Cần đánh giá thêm về tỷ lệ vốn lưu động/tổng tài sản, nếu tỷ lệ này thấp có thể gợi ý rằng công ty phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn dài hạn để duy trì hoạt động kinh doanh.

Tỷ lệ vốn hóa thị trường so với tổng nợ dưới 1 có thể cho thấy công ty đang gặp phải một số thách thức trong việc tạo ra giá trị cho cổ đông hoặc chưa thực sự quản lý nợ một cách hiệu quả.

Tóm lại, tùy thuộc loại hình doanh nghiệp sản xuất hoặc phi sản xuất để sử dụng mô hình Z-Score hoặc Z"-Score. Trong đó phải phân tích từng chỉ tiêu của mô hình để có cái nhìn tổng quan về sức khỏe tài chính của một doanh nghiệp. Qua đó đánh giá khả năng trả nợ và phá sản của doanh nghiệp đó.



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	2,022	593	241%
Tài sản ngắn hạn	1,920	484	297%
Tiền và tương đương tiền	28.3	51.6	-45.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	1.07	-100%
Phải thu ngắn hạn	53.5	52.4	2.1%
Hàng tồn kho	1,828	369	395%
Tài sản ngắn hạn khác	10.6	9.69	9.6%
Tài sản dài hạn	102	109	-6.4%
Phải thu dài hạn	9.60	9.60	0.0%
Tài sản cố định	28.4	31.4	-9.7%
Bất động sản đầu tư	58.4	62.0	-5.8%
Tài sản dở dang	4.90	4.90	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.51	0.80	-36.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,595	168	851%
Nợ ngắn hạn	1,053	66.8	1476%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	126	21.0	501%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.17	5.09	1.5%
Nợ dài hạn	542	101	437%
Vay và nợ thuê dài hạn	542	96.7	461%
Nguồn vốn chủ sở hữu	428	425	0.6%
Vốn chủ sở hữu	428	425	0.6%
Vốn điều lệ	316	200	58.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	182	80.9	35.4	13.5	29.0
Giá vốn hàng bán	43.0	6.75	15.2	7.63	22.7
Lợi nhuận gộp	139	74.2	20.3	5.91	6.24
Doanh thu HĐTC	12.4	8.46	4.08	3.04	0.74
Chi phí TC	24.3	5.44	3.79	3.09	2.04
Chi phí lãi vay	6.37	0	3.79	3.09	2.04
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	7.12	16.3	8.40	-0.20	-0.56
Chi phí QLDN	33.9	38.6	3.74	3.11	1.01
LN thuần từ HĐKD	86.1	22.3	8.46	2.94	4.50
Lợi nhuận khác	0.16	0.00	-1.95	1.01	0.02
LN trước thuế	86.3	22.3	6.50	3.96	4.52
Lợi nhuận sau thuế	74.3	15.2	4.88	3.30	3.82
LNST của CĐ cty mẹ	74.3	15.2	4.88	3.30	3.82

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	140	6.55	-128	-62.0	-580
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-65.2	1.87	58.2	38.2	5.82
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-168	-47.8	46.8	7.13	551
Tiền đầu kỳ	224	131	91.3	68.2	51.6
Lưu chuyển tiền thuần	-93.2	-39.3	-23.1	-16.7	-23.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	131	91.3	68.2	51.6	28.5